ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6040 /KL-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 10 năm 2016*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 8952
Ngày: 26/10/16
Chuyển:

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc quản lý, sử dụng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn xã Hành Dũng do Công ty Nông lâm sản xuất khẩu Quảng Ngãi bàn giao năm 2003 và việc thu hồi 06 lô đất khu dân cư Soi Dâu xã Hành Dũng do giao đất sai đối tượng

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra được thành lập theo Quyết định 1164/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 và Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của các thành viên tham dự cuộc họp ngày 23/9/2016 do UBND tỉnh tổ chức và đề xuất của Chánh Thanh tra tỉnh tại Công văn số 26/TTT-NV5 ngày 11/10/2016, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trong những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phát sinh nhiều vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến đất lâm nghiệp, đất rừng sản xuất có yếu tố đông người, phức tạp. Một trong những nguyên nhân phát sinh chính là do sự yếu kém, lỏng lẻo, bất cập trong quản lý, sử dụng đất của các Lâm trường, các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh trước đây, đến nay để lại hậu quả rất khó khắc phục, trong đó có vụ việc xảy ra ở xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành. Từ năm 2008 đến nay, Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành đã 02 lần thanh tra, kết luận và xử lý *(Kết luận thanh tra số 214/KL-UBND ngày 29/5/2009 và Kết luận thanh tra số 65/KL-UBND ngày 05/5/2015)* nhưng thực hiện không triệt để, người dân có khiếu nại, kiến nghị, phản ánh không đồng tình, tiếp tục tụ tập đông người để khiếu kiện. Bên cạnh đó còn có nội dung tố cáo một số cán bộ xã Hành Dũng lợi dụng chức vụ quyền hạn thu gom đất ở cho bản thân đã được phát hiện từ năm 2008 nhưng chậm xử lý, để kéo dài gây bức xúc trong dư luận, Chủ tịch UBND huyện đã xác minh, kết luận và xử lý *(Kết luận số 903/KL-UBND ngày 25/6/2015)* nhưng một số người dân không đồng tình, tiếp tục phản ánh, kiến nghị đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Trước tình hình đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định thanh tra việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn xã Hành Dũng, huyện Nghĩa

Hành đối với diện tích đất do Công ty Nông lâm sản xuất khẩu Quảng Ngãi bàn giao cho xã Hành Dũng năm 2003 *(sau đây gọi tắt là đất rừng 388)* và việc thu hồi 06 lô đất khu dân cư Soi Dâu đã giao không đúng đối tượng liên quan đến ông Nguyễn Tải *(nguyên Chủ tịch UBND xã Hành Dũng, nguyên Bí thư Đảng ủy xã Hành Dũng)*.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Kết quả thanh tra việc thu hồi 06 lô đất khu dân cư Soi Dâu liên quan đến ông Nguyễn Tải

Năm 2003, ông Nguyễn Tải, Chủ tịch UBND xã lúc này đã chủ trì cuộc họp xét giao cho vợ là bà Đỗ Thị Kim Yến 01 lô đất diện tích 115m^2 ở khu dân cư Soi Dâu Trên. Năm 2006, ông Nguyễn Tải lúc này là Bí thư Đảng ủy xã đã để cha mình là ông Nguyễn Bường đứng tên để được xét giao 01 lô đất diện tích 125m^2 trong khi ông Nguyễn Bường đã có đất ở; đã nhờ các ông Hồ Sùng, Trần Ngọc Vinh, Nguyễn Trung Bộ, Nguyễn Ngọc Hồng đứng tên để được giao 04 lô đất, 125m^2/lô ở khu dân cư Soi Dâu Dưới trong khi các ông này không phải là đối tượng được xét giao đất làm nhà ở theo quy định.

Việc làm này của ông Tải đã được Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy Nghĩa Hành kiểm tra, kết luận từ năm 2008: *"ông Nguyễn Tải đã lợi dụng chức vụ Bí thư Đảng ủy xã để vun vén, tập trung đất ở cho gia đình mình"*. Ban Thường vụ Huyện ủy đã có quyết định thi hành kỷ luật cách chức Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ xã Hành Dũng đối với ông Nguyễn Tải *(Quyết định số 367-QĐ/HU ngày 24/12/2008 của Ban Thường vụ Huyện ủy Nghĩa Hành)*. Tuy nhiên 06 lô đất ở khu dân cư Soi Dâu giao sai đối tượng vẫn chưa được xử lý theo đúng quy định pháp luật đất đai. Đến ngày 15/4/2010, ông Trần Ngọc Vinh và ông Hồ Sùng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất được giao cho vợ chồng ông, bà Trần Quang Khải, Nguyễn Thị Kim Cương; đến ngày 08/7/2010, ông Trần Quang Khải và bà Nguyễn Thị Kim Cương cũng đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với 02 thửa đất này.

Đến năm 2014, khi có đơn tố cáo của một số công dân xã Hành Dũng đối với ông Nguyễn Tải, Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành đã xác minh, có Kết luận số 903/KL-UBND ngày 25/6/2015 kết luận: *"Tố cáo ông Nguyễn Tải, nguyên Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch UBND xã Hành Dũng lạm dụng chức quyền để thu gom 06 lô đất ở tại khu dân cư Soi Dâu về cho gia đình và người thân là đúng. Tố cáo một số cán bộ xã Hành Dũng, có các ông: Trần Ngọc Vinh, Hồ Sùng, Nguyễn Trung Bộ và Nguyễn Ngọc Hồng không thuộc đối tượng nhưng làm đơn để được giao đất, sau đó chuyển nhượng cho ông Tải, tạo điều kiện cho ông Tải thu gom đất là đúng"*. Thực hiện Kết luận số 903/KL-UBND, UBND huyện Nghĩa Hành đã ban hành 04 quyết định thu hồi 04 lô đất đã giao cho 04 trường hợp *(Đỗ Thị Kim Yến, Nguyễn Bường, Nguyễn Trung Bộ, Nguyễn Ngọc Hồng)*, còn 02 trường hợp *(Hồ Sùng, Trần Ngọc Vinh)* đã chuyển nhượng cho người khác, đã hoàn thành thủ tục chuyển

nhượng vào năm 2010 và người nhận chuyển nhượng cũng đã được cấp GCNQSDĐ nên không ban hành quyết định thu hồi đất.

2. Kết quả thanh tra đất rừng 388

Qua thanh tra cho thấy Lâm trường Nghĩa Hành trước đây được UBND tỉnh Quảng Ngãi thành lập và giao quản lý kinh doanh tổng cộng 6.191ha đất gồm diện tích rừng trồng 363ha và đất trống đồi núi trọc 5.828ha *(toàn bộ diện tích có nguồn gốc từ Lâm trường Nghĩa Hành sau này được gọi chung là **đất rừng 388**)* từ năm 1993. Năm 1997, Lâm trường Nghĩa Hành sát nhập vào Công ty Lâm đặc sản *(thành Công ty Nông, lâm sản xuất khẩu Quảng Ngãi, sau đây gọi tắt là Công ty)*. Năm 2000, Công ty đã lập thủ tục chuyển giao 441,7ha trên địa bàn xã Hành Dũng cho UBND huyện Nghĩa Hành. Đến năm 2003 Công ty tiếp tục chuyển giao lại cho UBND huyện Nghĩa Hành 112,9ha đất trên địa bàn xã Hành Dũng. Việc giao đất cho Lâm trường Nghĩa Hành trước đây không có hồ sơ địa chính, không có bản đồ thể hiện diện tích được giao, không có hồ sơ bàn giao đất trên thực địa. Tiếp đến, việc bàn giao từ Lâm trường cho Công ty và sau đó Công ty bàn giao lại cho địa phương đều không có bản đồ, không bàn giao thực địa. Đến nay không có cơ sở để xác định trên thực tế tổng diện tích 441,7ha trên địa bàn xã Hành Dũng mà Lâm trường đã bàn giao vào năm 2000, do đó chỉ tiến hành thanh tra, xem xét trong phạm vi 112,9ha được Công ty bàn giao cho huyện vào năm 2003 *(theo số liệu đo đạc thực tế vào năm 2014 là 130,57ha)* và các trường hợp đơn thư có phản ánh dấu hiệu vi phạm.

Qua thanh tra cho thấy việc UBND xã thực hiện chỉ đạo của UBND huyện lập kế hoạch giao đất cho nhân dân sử dụng ổn định, lâu dài là đúng. Tuy nhiên, quá trình lập kế hoạch giao đất và triển khai thực hiện của UBND xã Hành Dũng có các vi phạm như: không thực hiện việc công khai lấy ý kiến đóng góp của nhân dân khi xây dựng kế hoạch, không trình UBND huyện phê duyệt để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện; Kế hoạch có nội dung chưa phù hợp với quy định tại Điều 21 Luật Đất đai 1993, khoản 3 Điều 17 Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ và điểm 4 mục I Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT/BNN-TCĐC ngày 06/6/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Địa chính.

Kết quả thanh tra việc quản lý, bố trí sử dụng đối với số diện tích 130,57ha cụ thể như sau:

a) UBND xã đã giao đất có thu tiền cho 98 hộ với 157 thửa, tổng diện tích 660.659m^2, nay qua thanh tra cho thấy số diện tích này gồm có 95 hộ *(giảm 03 hộ do bị thu hồi đất cho 02 dự án của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công ty Cổ phần Hoàng Long)* sử dụng 164 thửa đất với tổng diện tích 721.024,8m^2 *(danh sách chi tiết tại **Phụ lục 01** kèm theo Kết luận này)*. Trong đó có 68 hộ, cá nhân sử dụng 122 thửa đất với tổng diện tích 510.504,7m^2 đã được UBND huyện xét cấp GCNQSDĐ ngày 30/6/2014 theo

hình thức công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho người đang sử dụng đất[1]; còn 27 hộ, cá nhân sử dụng 42 thửa tổng diện tích 210.520,1m^2 chưa được cấp GCNQSDĐ[2]. Trong số này có 01 hộ là bà Nguyễn Thị Bích Thu[3] có đơn trả lại diện tích đất đang sử dụng cho UBND xã sau khi khai thác keo xong.

Qua thanh tra cũng cho thấy từ khi các hộ, cá nhân được UBND xã thu tiền và giao đất cho đến khi kê khai đăng ký và được cấp GCNQSDĐ vào năm 2014 không có trường hợp nào phát sinh tranh chấp, khiếu nại; đến năm 2015 mới có phát sinh đơn tranh chấp đối với một số trường hợp trong số các hộ, cá nhân đã được UBND xã thu tiền và giao đất trước đây. Qua rà soát cụ thể cũng không phát hiện có trường hợp nào là không đúng đối tượng được giao đất theo Luật Đất đai năm 1993 (đã sửa đổi, bổ sung), Luật Đất đai năm 2003 và việc công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ này là đúng quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

b) UBND xã đã tổ chức đấu giá để giao cho 27 hộ, cá nhân 38 thửa đất, diện tích 383.653m^2, nay qua thanh tra cho thấy số diện tích này gồm 51 thửa đất với tổng diện tích 338.723m^2, hiện nay do 18 hộ, cá nhân đang sử dụng; có 01 thửa cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Văn Thiện[4], còn lại chưa được cấp GCNQSDĐ *(xem chi tiết tại **Phụ lục 02** kèm theo Kết luận này)*[5].

Việc UBND xã tổ chức đấu giá để giao đất cho hộ, cá nhân sử dụng thời hạn 30 năm đã được Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành thanh tra, có Kết luận 214/KL-UBND ngày 29/5/2009 và Kết luận số 65/KL-UBND ngày 05/5/2015 đã kết luận, xử lý hủy bỏ kết quả đấu giá, thu hồi toàn bộ diện tích UBND xã đem ra đấu giá để đưa vào phương án giao đất chung cho các hộ, cá nhân có nhu cầu trên địa bàn toàn xã. UBND huyện cũng đã ban hành Quyết định 99/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 thu hồi đất, đồng thời chỉ đạo UBND xã hoàn trả tiền đấu giá đất của các hộ, cá nhân trúng đấu giá đã nộp

---

[1] Trong số 68 hộ, cá nhân đã được cấp GCNQSDĐ, qua thanh tra cho thấy có 16 hộ, cá nhân mới bắt đầu sử dụng đất từ sau khi được UBND xã giao đất; số còn lại đã sử dụng đất trên thực tế từ trước khi UBND xã tổ chức thu tiền và xét giao đất. Hiện đang có 16 cá nhân phát sinh đơn tranh chấp với 08 hộ liên quan đến 20 thửa đất.

[2] Đối với 27 hộ, cá nhân đang sử dụng 42 thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ, qua thanh tra cho thấy có 08 hộ, cá nhân mới bắt đầu sử dụng đất từ sau khi được UBND xã giao đất; số còn lại đã sử dụng đất trên thực tế từ trước khi UBND xã tổ chức thu tiền và xét giao đất. Hiện đang có một số hộ dân ở thôn Kim Thành và Trung Mỹ xã Hành Dũng, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân tranh chấp đất với 04 hộ liên quan đến 04 thửa đất.

[3] Nguyễn Thị Bích Thu sử dụng thửa đất số 279, diện tích 9.609,5m^2 thuộc tờ bản đồ số 19, bản đồ VLAP, xã Hành Dũng. Trường hợp sử dụng đất của bà Thu được nêu cụ thể ở **Phụ lục số 04** kèm theo Kết luận này.

[4] Theo danh sách đất đấu thầu thì UBND xã đấu giá cho ông Trần Văn Thiện (thôn An Định) nhận diện tích 8470m^2 nay thuộc một phần thửa đất 172, tờ số 6, bản đồ VLAP, diện tích 19.778,1m^2. Tuy nhiên thửa đất 172 này đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ toàn bộ diện tích 19.778,1m^2 cho ông Trần Văn Thiện. Qua rà soát phát hiện việc cấp nhầm lẫn diện tích, UBND xã đã mời làm việc, ông Thiện đã giao lại GCNQSDĐ đã cấp và làm thủ tục điều chỉnh lại theo đúng diện tích sử dụng thực tế.

[5] Số diện tích biến động giảm so với trước đây là do có 05 thửa với tổng diện tích 64.783m^2 trúng quy hoạch dự án Bãi rác thải của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị (22.267m^2) và dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt của Công ty Cổ phần Hoàng Long (20.577m^2) đã bị thu hồi để giao cho các chủ đầu tư thực hiện dự án vào các năm 2009, 2010. Khi thu hồi các hộ đang sử dụng đất đã được bồi thường cây cối, tài sản trên đất mà không được bồi thường về đất.

cho UBND xã trước đây. Đến nay UBND xã đã đưa số diện tích UBND huyện đã thu hồi này vào Phương án để xét giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Hành Dũng. Tuy nhiên một số hộ, cá nhân chưa đồng ý nhận lại tiền đấu giá đất, chưa bàn giao đất cho UBND xã quản lý theo quyết định thu hồi đất; nhiều diện tích vẫn đang có cây keo trồng trên đất chưa thu hoạch, do đó cần tiếp tục có biện pháp để thu hồi được đất trên thực tế.

c) Số diện tích UBND xã bổ sung vào quỹ đất 5% gồm 25 thửa, diện tích 264.743m^2; qua thanh tra cho thấy số diện tích này hiện nay gồm 30 thửa đất với diện tích 246.007,6m^2 (24,6ha), xem chi tiết tại **Phụ lục 03** kèm theo Kết luận này. Trong số diện tích này UBND xã đã phân bổ như sau:

- Cho Hợp tác xã nông nghiệp Hành Dũng mượn sản xuất 03 thửa, tổng diện tích 30.146m^2 *(theo bản đồ VLAP, biến động thành 13 thửa, diện tích 28.903,5m^2)* nhưng Hợp tác xã không quản lý chặt để các hộ, cá nhân chiếm sử dụng toàn bộ. Sau khi có Kết luận thanh tra số 214 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành, UBND xã mời HTX làm việc lập biên bản đề nghị HTX giao lại đất để xây dựng phương án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng *(biên bản ngày 4/7/2013)* nhưng vẫn chưa thu hồi được đất trên thực tế.

- Cho 02 cá nhân mượn: năm 2004 UBND xã cho hai cá nhân mượn 02 thửa, diện tích 17.741m^2, thuộc diện tích đất xây dựng cơ bản của Lâm trường đóng tại Đồn Bảo xã Hành Dũng. Nay theo bản đồ VLAP biến động thành 02 thửa, diện tích 17.927,5m^2, trong đó: ông Nguyễn Hải nguyên cán bộ bảo vệ Lâm trường đang sử dụng 10.639,3m^2 nhưng đã có đơn đồng ý trả lại đất cho UBND xã; nhóm 10 hộ, cá nhân được UBND xã cho mượn sử dụng 7.288,2m^2 từ năm 2005, hiện UBND xã chưa thu hồi lại diện tích này trên thực tế.

- Cho 04 tập thể các thôn thuê 04 thửa với diện tích 40.512m^2; nay theo bản đồ VLAP thì biến động thành 05 thửa với diện tích 39.288,1m^2 gồm: Lực lượng dân quân thôn An Định – An Tân trước đây thuê 10.869m^2 *(nay theo bản đồ VLAP biến động thành 02 thửa với tổng diện tích 7.006,6m^2)*; Lực lượng dân quân thôn Kim Thành thuê, mượn 01 thửa diện tích 11.118 m^2 *(nay theo bản đồ VLAP biến động thành 13.082,7m^2)* và diện tích đất giao thông hào 2.731m^2 *(là diện tích bao quanh thửa đất số 1451, tờ bản đồ số 11, diện tích 11.118m^2 tại Đồn Bảo)*; Lực lượng dân quân thôn An Hòa thuê 01 thửa diện tích 8.034m^2 *(nay theo bản đồ VLAP biến động thành 5.680m^2)*, đến năm 2010 khai thác keo xong UBND xã thu hồi đất giao cho Cựu chiến binh thôn An Hòa trồng keo[6]; Lực lượng dân quân thôn Trung Mỹ thuê 01 thửa diện tích 10.491m^2 *(nay theo bản đồ VLAP biến động thành*

[6] Đối với diện tích này UBND xã giải trình dự kiến trong năm 2016 sẽ làm thủ tục hoán đổi đất để quy hoạch và giao cho thôn An Sơn làm nghĩa địa nhân dân, do thôn An Sơn không có đất chôn cất mồ mã.

13.518,8m²). Các thửa đất trên UBND xã đã lập biên bản làm việc với các đoàn thể, yêu cầu khai thác keo xong phải giao đất cho UBND xã quản lý. Hiện nay UBND xã đã đưa diện tích vào phương án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Tuy nhiên UBND xã chưa thu hồi trên thực tế, trong số diện tích này đang có tranh chấp giữa một số hộ dân.

- UBND xã Hành Dũng cho bà Ngô Ngọc Mỹ giám đốc Công ty TNHH Mỹ Yên thuê 88.469m² *(8,8ha, trong đó có 2,2ha Công ty thuê làm vườn ươm và UBND xã giao cho cán bộ huyện mượn 6,6ha, sau đó các cán bộ này giao lại cho bà Mỹ trồng keo)*. Sau khi có Kết luận thanh tra 214/KL-UBND ngày 29/5/2009, UBND xã đã thu hồi số diện tích này và lập biên bản tạm giao cho 25 hộ gia đình, cá nhân thôn An Định sử dụng. Hiện nay, theo bản đồ VLAP thì diện tích này là 81.442,3m² gồm 04 thửa đất, đang có 27 hộ, cá nhân đang sử dụng *(do UBND xã cho mượn tạm sử dụng)*, đã được UBND xã đưa vào phương án giao đất lâm nghiệp nhưng hiện đang có phát sinh tranh chấp giữa một số hộ dân. Đối với 300m² UBND xã Hành Dũng giao cho Công ty TNHH Mỹ Yên làm trụ sở làm việc trái thẩm quyền và quy định pháp luật vào năm 2004 *(theo bản đồ lập năm 2014, diện tích này biến động thành thửa 509, tờ bản đồ số 10, diện tích 407,2m²)*, hiện nay Công ty không còn sử dụng, UBND xã chưa thu hồi lại đất trên thực tế.

- UBND xã cho cán bộ xã là các ông Võ Công Uẩn, Trịnh Văn Minh, Phạm Đăng Khoa, Nguyễn Văn Nghĩa thuê 03 thửa, diện tích 40.219m².

Sau khi có Kết luận thanh tra 214/KL-UBND ngày 29/5/2009, ông Phạm Đăng Khoa và ông Nguyễn Văn Nghĩa đã trả lại đất, UBND xã tạm giao cho 20 hộ mượn sản xuất, thời hạn đến năm 2018. Riêng ông Võ Công Uẩn và Trịnh Văn Minh không sử dụng mà chuyển nhượng cho ông Trần Việt Hùng *(theo bản đồ VLAP thửa đất này biến động thành thửa số 05, diện tích 17.828,5m² đang do ông Trần Việt Hùng sử dụng)*. Hiện UBND xã đã đưa số diện tích này vào phương án giao đất lâm nghiệp của xã nhưng chưa có biện pháp thu hồi lại đất do ông Trần Việt Hùng đang sử dụng.

- Diện tích quy hoạch làm nghĩa địa, bãi rác thải 44.955m² gồm:

+ Diện tích quy hoạch làm nghĩa địa thôn An Định là 7.500m² nhưng chưa có quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền, UBND xã giao cho Hội người cao tuổi thôn An Định quản lý trồng keo gây quỹ hội. Theo bản đồ VLAP là một phần diện tích của thửa đất số 16, tờ bản đồ số 7, diện tích 40.100,5m², loại đất NTD, hiện trạng là nghĩa địa thôn An Định, Hội người cao tuổi thôn An Định đang trồng keo xen kẽ trên phần đất trống.

+ Diện tích quy hoạch nghĩa địa thôn An Tân 9.627m² nhưng chưa có quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền, UBND xã giao cho Hội người cao tuổi An Tân quản lý trồng keo gây quỹ hội. Nay theo bản đồ VLAP là thửa đất số 63, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.656,7m², hiện trạng là nghĩa địa thôn An Tân, Hội người cao tuổi thôn An Tân có trồng keo xen kẽ trên đất.

+ Diện tích quy hoạch bãi rác thải 17.034m^2, UBND xã giao cho ông Lê Trung Vinh và ông Trương Văn Sinh là Chủ nhiệm và Phó chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Hành Dũng (lúc đó) mượn để sản xuất (không có văn bản) nhưng sau đó UBND tỉnh thu hồi 10.000m^2 để giao cho Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi xây dựng bãi chôn lấp rác thải rắn vào năm 2007, còn lại 7.034m^2 hộ ông Trần Đình Khôi (thôn An Định) xâm chiếm trồng keo, UBND xã đã lập biên bản. Ông Khôi có đơn đồng ý giao đất cho UBND xã quản lý xây dựng phương án giao đất cho nhân dân sau khi thu hoạch keo xong nhưng đề nghị UBND xã hoán đổi cho diện tích khác. Hiện theo bản đồ VLAP là thửa số 03, tờ bản đồ số 03, diện tích 7.589,1m^2.

+ Diện tích được bố trí lấy đất để làm vật liệu đắp đường giao thông 10.794m^2 UBND xã cho ông Nguyễn Tấn Thành, cán bộ địa chính xã, mượn tại biên bản ngày 13/9/2005, sau đó ông Thành đã nhượng cho ông Diệp (người xã Hành Thuận) trồng keo. Đến năm 2015, ông Thành lại viết giấy cho ông Nguyễn Tiến Khôi thuê với số tiền 20 triệu đồng, thời gian thuê 20 năm *(giấy viết tay ngày 21/12/2015)*. Ông Khôi đã ký biên bản với UBND xã cam kết sẽ trả lại đất cho UBND xã Hành Dũng để đưa vào phương án giao đất cho nhân dân. Hiện nay theo bản đồ VLAP là thửa số 04, tờ bản đồ số 03, diện tích 9.036,9m^2 UBND xã đã đưa vào phương án giao đất chung.

3. Kết quả thẩm tra, xác minh các nội dung công dân nêu trong đơn liên quan đến đất rừng 388

a) Có 65 người làm việc và đến cung cấp thông tin hoặc đơn cho Đoàn thanh tra. Qua đối chiếu với danh sách 47 trường hợp khiếu kiện do UBND huyện Nghĩa Hành tổng hợp cho thấy tổng cộng có 92 công dân gửi đơn kiến nghị, phản ánh, tranh chấp với những người đang sử dụng đất mà họ cho rằng là liên quan đến đất rừng 388 trên địa bàn xã Hành Dũng. Tuy nhiên qua rà soát của Đoàn thanh tra thì chỉ có 20 trường hợp là có liên quan đến diện tích 130,57ha đất rừng 388 mà Công ty Nông, lâm sản xuất khẩu Quảng Ngãi bàn giao vào năm 2003 được UBND xã phân bổ theo Kế hoạch 05/KH-UB ngày 10/7/2003.

Qua thanh tra những người này không có bằng chứng kê khai đăng ký và khiếu nại, tranh chấp khi UBND xã giao cho người khác sử dụng. Một số người có tài liệu giao khoán của Lâm trường Nghĩa Hành trước đây nhưng cũng chỉ thể hiện là khoán số lượng cây trồng trên đất để tính toán nộp sản lượng chứ không thể hiện diện tích, địa danh. Không có trường hợp nào có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Việc UBND huyện Nghĩa Hành ban hành quyết định giao đất lâm nghiệp cho một số tổ chức, hộ gia đình và cá nhân vào ngày 08/9/1997 là có nhưng do những người được giao đất không sử dụng đất nên ngày 21/6/2002

UBND huyện Nghĩa Hành đã ban hành Quyết định số 159/QĐ-UB thu hồi diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vào năm 1997. Nay một số trường hợp sử dụng quyết định giao đất năm 1997 mà đã bị UBND huyện thu hồi vào năm 2002 để yêu cầu quyền lợi là không có căn cứ pháp lý và thực tiễn để xem xét giải quyết. Những hộ sản xuất nông nghiệp thiếu đất sản xuất theo mức bình quân thì được cân đối giao đất thoe phương án do UBND huyện phê duyệt.

b) Kết quả thanh tra một số trường hợp có nhiều tranh chấp, phản ánh, kiến nghị mà người phản ánh, kiến nghị cung cấp cụ thể bằng chứng về việc vi phạm trong cấp GCNQSDĐ trước đây, gồm: Bà Nguyễn Thị Bích Thu; các ông Võ Thạnh, Lê Tấn Ba, Trần Văn Trữ, Võ Duy Phú; vợ chồng ông Nguyễn Dương và bà Ngô Thị Tiên. Cụ thể có **Phụ lục 04**, **Phụ lục 05** và **Phụ lục 06** kèm theo Kết luận này.

III. KẾT LUẬN

1. Kết luận

a) Đối với việc thu hồi 06 lô đất khu dân cư Soi Dâu:

Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất với kết luận, xử lý của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Nghĩa Hành, Ban Thường vụ Huyện ủy Nghĩa Hành vào năm 2008 và của Chủ tịch UBND huyện tại Kết luận số số 903/KL-UBND ngày 25/6/2015, việc UBND huyện Nghĩa Hành ban hành các quyết định thu hồi 04 lô đất giao sai đối tượng cho các ông: Nguyễn Bường, Nguyễn Trung Bộ, Nguyễn Ngọc Hồng và bà Đỗ Thị Kim Yến (vợ ông Nguyễn Tải) là đúng pháp luật. Đối với số tiền sử dụng đất đã nộp trước đây liên quan đến 04 lô đất này, Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất với kiến nghị của Đoàn thanh tra là hoàn trả lại đúng số tiền đã nộp.

Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất với kiến nghị của Trưởng đoàn thanh tra đối với việc không thu hồi 02 lô đất do ông Hồ Sùng, ông Trần Ngọc Vinh đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, vì ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng, hợp pháp của ông Trần Quang Khải và bà Nguyễn Thị Kim Cương. Các cán bộ, công chức có liên quan đến việc chậm xử lý theo Luật Đất đai sau khi có kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy phải xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định.

b) Việc quản lý, sử dụng đất rừng 388:

- Đối với diện tích đất UBND xã đưa vào quỹ đất công ích nhưng đem cho tổ chức, cá nhân mượn, thuê trái pháp luật tổng diện tích 26,47ha:

Việc UBND xã đưa một phần đất rừng 388 vào quỹ đất công ích để cho thuê, cho mượn và thu tiền là trái với quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 74 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày

29/10/2004 của Chính phủ. Kết luận 214/KL-UBND ngày 29/5/2009 và Kết luận số 65/KL-UBND ngày 05/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành đã kết luận, xử lý thu hồi toàn bộ diện tích này để bố trí đưa vào phương án giao đất chung cho các hộ, cá nhân có nhu cầu trên địa bàn toàn xã là đúng chính sách, pháp luật. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Chủ tịch UBND huyện khẩn trương thực hiện.

- Đối với diện tích UBND xã tổ chức đấu giá để giao đất trái thẩm quyền 38,36ha:

Việc UBND xã tổ chức đấu giá để giao đất cho hộ, cá nhân sử dụng thời hạn 30 năm là không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 37 Luật Đất đai năm 2003. Kết luận 214/KL-UBND ngày 29/5/2009 và Kết luận số 65/KL-UBND ngày 05/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành đã kết luận, xử lý hủy bỏ kết quả đấu giá, đưa vào phương án giao đất chung cho các hộ, cá nhân có nhu cầu trên địa bàn toàn xã. UBND huyện Nghĩa Hành đã ban hành quyết định thu hồi đất theo điểm c khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013 là đúng quy định pháp luật. Trường hợp các hộ, cá nhân sử dụng đất không tự giác chấp hành quyết định thu hồi đất thì UBND huyện cần thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.

- Đối với diện tích UBND xã thu tiền và xét giao đất cho 98 hộ, cá nhân vào các năm 2003, 2004:

Việc UBND xã lập kế hoạch và tiến hành giao đất cho dân sử dụng ổn định lâu dài từ quỹ đất do Công ty Nông, lâm sản xuất khẩu Quảng Ngãi bàn giao lại là thực hiện theo sự chỉ đạo của UBND huyện, đúng định hướng, chính sách. Quá trình thực hiện có thiếu sót trong một số khâu về thủ tục, quy trình. Tuy nhiên đối tượng được giao đất là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, diện tích giao không vượt hạn mức, họ đã nộp tiền theo quy định của UBND xã; người được giao đất không vi phạm pháp luật. Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 25/5/2014 của Chính phủ; được hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 24 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 29/5/2014 và khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì không có căn cứ pháp lý để xử lý thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho 68 hộ, cá nhân vào năm 2014. Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất với kết luận của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành, kiến nghị của Trưởng đoàn thanh tra không thu hồi đất, không thu hồi GCNQSDĐ đối với các hộ, cá nhân này nhưng thực hiện vận động những trường hợp có diện tích lớn hơn so với mức bình quân chung của xã Hành Dũng giao lại một phần diện tích, tạo quỹ đất giao cho hộ còn thiếu đất để hài hòa lợi ích và phát triển ổn định của địa phương. Trường hợp bà Nguyễn Thị Bích Thu đã tự nguyện trả lại đất thì UBND huyện cần tiến hành thủ tục thu hồi đất theo quy định; tiếp tục thu hồi đất đối với những hộ vận động thành công.

Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình, cá nhân có phát sinh thực hiện theo đúng Điều 202, 203 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 88, 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 25/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Chính quyền và đoàn thể tiếp tục tham gia hòa giải từ cơ sở, tạo điều kiện cho hộ gia đình thiếu đất sản xuất theo mức bình quân của xã Hành Dũng.

c) Đối với các trường hợp cụ thể theo đơn của một số người dân: Có kết luận cụ thể tại Phụ lục 04, Phụ lục 05 và Phụ lục 06 kèm theo Kết luận này.

2. Nguyên nhân, trách nhiệm

a) Nguyên nhân:

- Đối với việc thu hồi 06 lô đất khu dân cư Soi Dâu: Nguyên nhân chủ yếu do chậm chỉ đạo xử lý theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 đối với 06 lô đất đã có kết luận của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy từ năm 2008.

- Đối với việc quản lý, sử dụng đất rừng 388:

+ Nguyên nhân chủ yếu là do UBND xã Hành Dũng tiến hành giao đất rừng 388 đã không tuân thủ đầy đủ quy trình, thủ tục; cho mượn, cho thuê trái pháp luật. Ngoài ra còn do việc chậm tổ chức thực hiện các giải pháp khắc phục sai phạm liên quan đến đất rừng 388 trên địa bàn xã Hành Dũng sau khi có Kết luận thanh tra số 214/KL-UBND ngày 29/5/2009 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành.

+ Một số cán bộ, công chức có trách nhiệm của UBND xã Hành Dũng lợi dụng chính sách để thu lợi cho bản thân, gia đình.

b) Trách nhiệm:

- Đối với 06 lô đất khu dân cư Soi Dâu, trách nhiệm của các tập thể, cá nhân liên quan đến quá trình giao đất đã được Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy kết luận năm 2008 và Chủ tịch UBND huyện kết luận tại Kết luận số 903/KL-UBND ngày 25/6/2015. Nay qua thanh tra, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận bổ sung trách nhiệm liên quan đến việc chậm xử lý thu hồi 06 lô đất này, cụ thể như sau:

+ Trách nhiệm trực tiếp thuộc về các ông Nguyễn Tải, Trần Ngọc Vinh, Hồ Sùng.

+ Tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy mà trực tiếp là bà Huỳnh Thị Thúy Nga, nguyên Chủ tịch UBND huyện *(nay đã nghỉ hưu)* và ông Lưu Minh Đức, nguyên Trưởng Công an huyện *(nay đã nghỉ hưu)* có thiếu sót, khuyết điểm trong việc chậm trễ xử lý sai phạm theo thẩm quyền, trách nhiệm quy

định của Luật Đất đai đối với 06 lô đất khu dân cư Soi Dâu đã được Ban Thường vụ Huyện ủy kết luận.

- Đối với đất rừng 388:

+ Trách nhiệm chính của các sai sót, vi phạm thuộc về HĐND, UBND xã Hành Dũng; Phòng Địa chính-NN&PTNT huyện (sau này là Phòng Địa chính); UBND huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2003 – 2004 và các cá nhân trực tiếp thực hiện không đúng là: Nguyễn Tải, nguyên Chủ tịch UBND xã, Bí thư Đảng ủy xã; Võ Công Uẩn, nguyên Chủ tịch UBND xã; Nguyễn Tấn Thành, nguyên cán bộ địa chính xã; ông Trịnh Văn Minh, nguyên Phó Chủ tịch UBND xã.

+ Trách nhiệm giám sát của Hội đồng nhân dân huyện, UBND huyện giai đoạn 2003 – 2004 trong việc để HĐND xã ban hành Nghị quyết số 10B có nội dung không đúng pháp luật.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với 06 lô đất khu dân cư Soi Dâu

UBND huyện Nghĩa Hành thực hiện thu hồi đất trên thực tế đối với 04 lô đất mà UBND huyện Nghĩa Hành đã ban hành các Quyết định thu hồi đất số 203/QĐ-UBND, 205/QĐ-UBND, 206/QĐ-UBND và 207/QĐ-UBND cùng ngày 16/9/2015 theo đúng quy định của pháp luật và hoàn trả số tiền sử dụng đất đã nộp (không tính lãi suất); khẩn trương chỉ đạo tiến hành thủ tục để đấu giá 04 lô đất này theo quy định pháp luật đất đai để phát huy hiệu quả sử dụng đất.

2. Đối với đất rừng 388 UBND xã Hành Dũng đã phân bổ theo Kế hoạch số 05/KH-UB ngày 10/7/2003

a) Đối với diện tích đất thuộc quỹ đất công ích nhưng UBND xã đem cho tổ chức, cá nhân mượn, thuê trái pháp luật:

- Kiên quyết thu hồi diện tích UBND xã xác định thuộc quỹ đất công ích của xã nhưng đã đem cho mượn, cho thuê và tạm giao sử dụng để đưa vào phương án giao đất chung của xã theo quy định. Chỉ đạo áp dụng các biện pháp cần thiết, cương quyết để thu hồi được đất trên thực tế.

- UBND huyện Nghĩa Hành chỉ đạo UBND xã Hành Dũng phối hợp với các cơ quan liên quan lập, trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất liên quan đến các diện tích đất xác định làm nghĩa trang, nghĩa địa tại thôn: An Sơn, An Định, An Tân và thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật để đưa diện tích này vào bố trí sử dụng đúng mục đích theo quy hoạch, kế hoạch.

b) Đối với diện tích đấu giá giao đất trái thẩm quyền:

UBND huyện Nghĩa Hành tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết định thu hồi đất đã ban hành. Trường hợp các hộ, cá nhân sử dụng đất không tự giác chấp hành quyết định thu hồi đất thì thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.

c) Đối với diện tích UBND xã Hành Dũng thu tiền và xét giao đất cho 98 hộ, cá nhân vào các năm 2003, 2004:

Tôn trọng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đúng chính sách, pháp luật; kiên trì thực hiện việc vận động các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất lâm nghiệp có diện tích lớn so với mức đất bình quân chung của xã Hành Dũng nhường đất cho hộ thiếu theo đúng tinh thần Chỉ thị 41-CT/TU ngày 11/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khi vận động thành công thì thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 và thực hiện biểu dương, khen thưởng cho người tự nguyện trả lại đất. Thực hiện việc giải quyết các tranh chấp đất đai theo đúng quy định pháp luật cho từng trường hợp cụ thể. Tích cực chỉ đạo thực hiện kịp thời trách nhiệm hòa giải theo quy định.

3. Đối với một số trường hợp cụ thể

a) Hộ bà Nguyễn Thị Bích Thu:

Đối với thửa đất số 1447, diện tích 10.196m^2, thuộc tờ bản đồ số 11 xã Hành Dũng lập năm 2005 *(nay là thửa số 279, diện tích 9.609,5m^2, thuộc tờ bản đồ số 19, bản đồ dự án VLAP)* UBND xã Hành Dũng phối hợp với Phòng TNMT huyện tham mưu UBND huyện thu hồi đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai 2013 sau khi bà Thu thu hoạch keo trên đất.

b) Đối với hộ ông Nguyễn Dương và bà Ngô Thị Tiên:

UBND huyện Nghĩa Hành chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nghĩa Hành phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Nghĩa Hành và UBND xã Hành Dũng kiểm tra, đo đạc hiện trạng sử dụng đất, rà soát lại việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Dương, bà Tiên theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

4. UBND huyện Nghĩa Hành chỉ đạo UBND xã Hành Dũng xác minh làm rõ số tiền các hộ dân đã nộp khi UBND xã tổ chức xét giao đất và thu tiền đối với 98 hộ vào các năm 2003, 2004, trên cơ sở đó báo cáo, đề xuất UBND huyện Nghĩa Hành xử lý theo quy định.

5. UBND huyện Nghĩa Hành tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc xử lý nghiêm theo quy định pháp luật đối với các cá nhân, tập thể có vi phạm đã được UBND huyện Nghĩa Hành kết luận trước đây và tại Kết luận này mà chưa xử lý hoặc đã xử lý mà chưa đầy đủ. Kết quả xử lý cá nhân, tập thể có sai phạm phải được công khai kịp thời, đầy đủ cho nhân dân xã Hành Dũng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu UBND huyện Nghĩa Hành, Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành nghiêm túc thực hiện Kết luận thanh tra này; chỉ đạo UBND xã Hành Dũng niêm yết công khai Kết luận này tại UBND xã Hành Dũng liên tục trong 15 ngày theo quy định.

2. Giao Chánh Thanh tra tỉnh công khai Kết luận thanh tra theo quy định và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, đồng thời tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thanh tra Chính phủ *(báo cáo)*;
- Thường trực Tỉnh ủy *(báo cáo)*;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục II-Thanh tra Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành: Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND huyện Nghĩa Hành;
- UBND huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã Hành Dũng;
- VPUB: CVP, PCVP(NL, NC), NNTN, TCD, CBTH;
- Lưu: VT, NCdmhai613

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Phụ lục 01

BẢNG KÊ CÁC HỘ DÂN ĐƯỢC GIAO ĐẤT RỪNG 388 CÓ VÀ KHÔNG CÓ BIÊN BẢN CỦA UBND XÃ (98 HỘ- 157 THỬA)

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 140/KL-UBND ngày 25/10.../2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ trích đo 2003			Theo bản đồ VLAP 2014			Họ và Tên người sử dụng đất hiện nay	Hiện trạng đất			Ghi chú
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)		Tình trạng cấp GCN	Thời điểm SDĐ so với năm	Tình trạng tranh chấp	
I	KHỐI LƯỢNG DIỆN TÍCH HỘ DÂN ĐƯỢC GIAO ĐẤT RỪNG 388 KHÔNG CÓ BIÊN BẢN GIAO ĐẤT CỦA XÃ											
19 hộ	THÔN AN ĐỊNH	26 thửa		133,419	23 thửa		130185.3					
1	Trần Văn Mười	1013	3	4,520								
2	Nguyễn Thị Thu	1014	3	2,214								
3	Trần Văn Hùng	511	4	10,502	60	7	1538.5	Trần Đình Phúc	Chưa cấp	Trước	Không	
		515	4	10,556						Trước	Không	
4	Trần Văn Thứ	516	4	3,631	11	7	3561.1	Trần Thanh Hùng	Chưa cấp	Trước	Không	
		495	4	891	11	7		Trần Thanh Hùng		Trước	Không	
5	Nguyễn Tung	525	4	3,548	15	7	6264.2	Nguyễn Tung	Cấp giấy	Trước	Không	
6	Trần Văn Thiện	527	4	8,470	172	6	19778.1	Trần Văn Thiện	Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
		531	4	4,764	184	6	5806.1	Trần Văn Thiện	Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
		532	4	4,460	196	6	4405.4	Trần Văn Thiện	Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
7	Nguyễn Đoàn	122	4	849	22	7	2680.1	Nguyễn Đoàn	Chưa cấp	Trước	Không	
		533	4	3,595	19	7	4085.7	Nguyễn Đoàn	Cấp giấy	Trước	Không	
8	Nguyễn Công	536	4	5,800	24	7	15986.8	Nguyễn Công	Cấp giấy	Trước	Không	
		537	4	8,221						Trước	Không	
9	Trần Văn Quảng	539	4	4,937	246	6	2373.7	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
10	Nguyễn Văn	541	4	6,162	28	7	5879.9	Nguyễn Văn	Cấp giấy	Trước	Không	
		546	4	2,205							Không	

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ trích đo 2003			Theo bản đồ VLAP 2014			Họ và Tên người sử dụng đất hiện nay	Hiện trạng đất			
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)		Tình trạng cấp GCN	Thời điểm SDĐ so với năm	Tình trạng tranh chấp	Ghi chú
11	Trần Lâm	542	4	4,841	27	7	4899.1	Bùi Thị Liền	Cấp giấy	Trước	Không	
12	Lê Thức	545	4	5,501	26	7	5130.6	Lê Văn Thức	Cấp giấy	Trước	Không	
	Phan Danh	553	4	4,393	44, 37,38	7	6682.9	Phan Danh	Chưa cấp	Trước	Không	
								Phan Tấn Giới	Chưa cấp	Trước	Không	
13								Phan Tấn Tiến	Chưa cấp	Trước	Không	
14	Nguyễn Thị Phi	557	4	12,925	48	7	14336.2	Võ Thị Bông	Cấp giấy	Trước	Không	
15	Lương Thị Tú Lê	560	4	1,902	51	7	1977.5	Đỗ Thị Nghĩa	Cấp giấy	Trước	Không	
16	Trần Đoan	561	4	3,501	56	7	3897.6	Trần Đoan	Cấp giấy	Trước	Không	
17	Trần Đức Phúc	358	4	7,475	7	7	8098.8	Trần Đình Phúc	Chưa cấp	Trước	Không	
18	Nguyễn Chức	121	4	1,473	17	7	6119.5	Nguyễn Văn Thanh	Chưa cấp	Trước	Không	
19	Trần Văn Tín	350	4	6,083	84	6	6683.5	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
8 hộ	**THÔN AN TÂN**	**11 thửa**		**34,161**	**09 thửa**		**74920.1**					
1	Trần Văn Thức	1028	3	1,755	9	6	10,463	Trần Văn Thức	Chưa cấp	Trước	Không	
		1031	3	9,567	6	6	1442.4	Đặng Thị Thanh			Không	
2	Phạm Chín	1040	3	4,742	53	6	4368.4	Phạm Chín	Cấp giấy	Trước	Không	
3	Võ Quận	1045	3	1,414	151	5	2159.3	Võ Văn Quận	Cấp giấy	Trước	Không	
		1046	3	1,501	99	5	1305				Không	
4	Trần Thị Vịnh	1054	3	1,773	197	5	5863.9	Trần Thị Vịnh	Chưa cấp	Trước	Không	
		1066	3	4,828							Không	
5	Lê Tôn	1070	3	5,000	343	5	11,019	Trần Phục	Chưa cấp		Không	
6	Trần Phục	1071	3	2,988	300	5	5994.3	Trần Hùng	Chưa cấp		Không	
7	Lê Thuần	1075	3	593	343	5		Trần Phục	Chưa cấp		Không	
8	Nguyễn Thị Vân	1036	3	15,417	**14 thửa**		16152.4					
					16	5	1054.4	Nguyễn Thị Vân				
					28	5	927.7					
					52	5	1252.8					

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ trích đo 2003			Theo bản đồ VLAP 2014			Họ và Tên người sử dụng đất hiện nay	Hiện trạng đất			
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)		Tình trạng cấp GCN	Thời điểm SDĐ so với năm	Tình trạng tranh chấp	Ghi chú
					7	5	921.9		Cấp giấy	Trước	Không	
					21	5	723.8					
					10	5	884					
					39	5	858.1					
					50	5	1424.3					
					15	5	4452.2					
					40	5	496.9					
					41	5	938.7					
					51	5	959.8					
					62	5	737					
					20	5	520.8					
9 hộ	THÔN TRUNG MỸ	9 thửa		47,633	09 thửa		65796.8					
1	Nguyễn Văn Phú	1431	11	1,129	261	19	1444.4	Mỹ Yên	Chưa cấp	Trước	Không	
2	Hành Nhân	1433	11	2,507	274	19	4259.4	Lê Văn Phát	Chưa cấp	Trước	Không	
3	Hành Nhân	1434	11	1,220	281	19	1745.2	Nguyễn Lực			Không	
4	Thi Văn Thạch	1435	11	2,844	257	19	1928.2	Mỹ Yên	Chưa cấp	Trước	Không	
5	Nguyễn Vạn Binh	1442	11	9,493	839	20	27992.1	UB	Chưa cấp	Sau	Tranh chấp 2015	
6	Đỗ Quang Linh	1443	11	10,007	788	20	9237.9	Mỹ Yên	Chưa cấp	Sau	Không	
7	Nguyễn Tám	1432	11	1,958	270	19	928.3	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
8	Nguyễn T Bích Thu	1447	11	10,196	279	19	9609.5	UB	Chưa cấp	Sau	Tranh chấp 2015	
9	Nguyễn Hải	1448	11	8,279	755	20	8651.8	UB	Chưa cấp	Sau	Không	
19 hộ	THÔN AN HÒA	34 thửa		98144	33 thửa		99567.5					
1	Nguyễn Văn Quyền	1510	8	527	451	9	440.9	Nguyễn Văn Quyền	Cấp giấy	Trước	Không	
		1565	8	897	33	15	987.2		Chưa cấp	Trước	Không	
		1588	8	1032	96	15	1880		Chưa cấp	Trước	Không	
		1589	8	712						Trước	Không	

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ trích đo 2003			Theo bản đồ VLAP 2014			Họ và Tên người sử dụng đất hiện nay	Hiện trạng đất			
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)		Tình trạng cấp GCN	Thời điểm SDĐ so với năm	Tình trạng tranh chấp	Ghi chú
2	Nguyễn Văn Tám	1514	8	5917	478	9	6278	Nguyễn Văn Tám	Cấp giấy	Sau	Không	
		1613	8	665	516	15	835.1		Chưa cấp	Trước	Không	
		1607	8	3276	385	15	2606.9		Cấp giấy	Trước	Không	
		1615	8	2364	576	15	2302.8		Cấp giấy	Trước	Không	
3	Trần Chín	1520	8	3938	487	9	3976.7	Trần Chín	Cấp giấy	Trước	Không	
4	Phan Bình	1533	8	9170	579	9	10067.3	Phan Bình	Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
5	Phan Thường	1538	8	4688	761	10	4869.6	Phan Thường	Cấp giấy	Sau	Không	
6	Nguyễn Văn Vệ	1539	8	5643	524	9	6793.3	Nguyễn Văn Vệ	Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
7	Nguyễn Văn Hạnh	1544	8	8131	530	9	8101.3	Nguyễn Văn Hạnh	Cấp giấy	Trước	Không	
		1566	8	2554	18	15	2137.3	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
		1568	8	2117	53	15	1645.5	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
		1569	8	780	29	15	1609.8	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
8	Nguyễn Công Chánh	1551	8	3728	551	9	4095.2	Nguyễn Thị Thành	Cấp giấy	Trước	Không	
9	Phan Hùng	1555	8	11543	572	9	12947.8	Phan Hùng	Cấp giấy	Sau	Không	
10	Hồ Tám	1561	8	3895	9	15	5203.1	Tống Thị Mùa	Cấp giấy	Trước	Không	
11	Nguyễn Đức Hồng	1563	8	567	35	15	572.4	Nguyễn Đức Hồng	Cấp giấy	Trước	Không	
		1571	8	5047	44	15	3504.7		Cấp giấy	Trước	Không	
		1575	8	945	65	15	813.6		Cấp giấy	Trước	Không	
12	Nguyễn Đức Công	1572	8	3777	57	15	1214.2	Phùng Thị Đức	Chưa cấp	Trước	Không	
		1582	8	1388	71	15	1521	Nguyễn Đức Công	Cấp giấy	Trước	Không	
		1584	8	3075	108	16	2924.6		Cấp giấy	Trước	Không	
13	Nguyễn Huấn	1580	8	546	69	15	591.1	Nguyễn Huấn	Chưa cấp	Trước	Không	
	Nguyễn Huấn	1598	8	1626	246	15	1640.5		Cấp giấy	Trước	Không	
14	Nguyễn Văn Phát	1586	8	261	82	15	150.4	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
15	Nguyễn Đức Đồng	1596	8	777	205	15	782.5	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
		1599	8	1338	247	15	1334.6	Nguyễn Đức Đồng	Cấp giấy	Trước	Không	

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ trích đo 2003			Theo bản đồ VLAP 2014			Họ và Tên người sử dụng đất hiện nay		Hiện trạng đất			
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)			Tình trạng cấp GCN	Thời điểm SDĐ so với năm	Tình trạng tranh chấp	Ghi chú
16	Lương Thị Ê Ly	1602	8	1074	296	15	1114.2	Lương Thị Ê	Ly	Cấp giấy	Trước	Không	
17	Ng Thị Hồng Ny	1604	8	605	323	15	834.8	Nguyễn Hồng	Nhân	Cấp giấy	Trước	Không	
18	Trần Ngọc Hảo	1606	8	4212	365	15	4173.8	Trần Ngọc	Hoanh	Cấp giấy	Trước	Không	
19	Nguyễn Đức Hoành	1610	8	1329	459	15	1617.3	Nguyễn Đức	Hoành	Cấp giấy	Trước	Không	
55 hộ	**Tổng (I)**	**80 thửa**		**328,774**	**88 thửa**		**370469.7**						
II	**KHỐI LƯỢNG DIỆN TÍCH HỘ DÂN ĐƯỢC GIAO ĐẤT RỪNG 388 CÓ BIÊN BẢN GIAO ĐẤT CỦA XÃ**												
10 hộ	**THÔN AN ĐỊNH**	**15 thửa**		**89,770**	**15 thửa**		**96622.8**						
1	Huỳnh Văn Anh	550	4	3,414	34	7	3178.9	Huỳnh Văn	Anh	Cấp giấy	Trước	Không	
		551	4	2,834	42, 43	7	2404.7	Huỳnh Văn	Anh	Cấp giấy	Trước	Không	
2	Trần Văn có	543	4	14,465	31	7	11381.1	Trần Văn	Có	Cấp giấy	Trước	Không	
		556	4	3,238	47	7	3281.4	Trần Văn	Có	Cấp giấy	Trước	Không	
3	Trần Đức Ân	119	4	8,412	551	6	11709.6	Trần Đức	Ân	Cấp giấy	Trước	Không	
		519	4	11,340	120	6	14504	Trần Đức	Ân	Chưa cấp	Trước	Không	
4	Huỳnh Văn Giáp	547	4	2,675	65	7	1459.3	Huỳnh	Giáp	Chưa cấp	Trước	Không	
		564	4	2,144	33	7	2697.8	Huỳnh	Giáp	Cấp giấy	Trước	Không	
5	Trần Văn Mẫn	1012	3	2,136								Tranh chấp 2015	
6	Trần Ngọc Sang	562	4	8,370	73	7	9462.4	Trần Ngọc	Sang	Cấp giấy	Trước	Không	
		565	4	8,930	178	7	8292.4			Cấp giấy	Trước	Không	
7	Trần Đình Trung	355	4	3,579	6	7	7612.9	Trần Đình	Trung	Chưa cấp	Trước	Tranh cấp 2015	
8	Nguyễn Phúc	540	4	8,807	7	7	8098.8	Trần Đình	Phúc	Chưa cấp	Trước	Không	
9	Trần Quý	555	4	2,672	41	7	4844.3	Phạm Thị	Báu	Chưa cấp	Trước	Không	
10	Hồ Đường	534	4	6,754	23	7	7695.2	Hồ	Đường	Cấp giấy	Trước	Không	
3 hộ	**THÔN AN TÂN**	**3 thửa**		**13,922**	**3 thửa**		**26314.2**						
1	Phạm Chương	1033	3	10,760	25	6	13695.6	Phạm	Chương	Cấp giấy	Trước	Không	
2	Đinh Văn Hồng	1067	3	1,183	254	5	1599.7	Đinh Văn	Hồng	Cấp giấy	Trước	Không	
3	Lê Long	1076	3	1,979	343	5	11018.9	Trần	Phục	Chưa cấp	Trước	Không	

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ trích đo 2003			Theo bản đồ VLAP 2014			Họ và Tên người sử dụng đất hiện nay	Hiện trạng đất			
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)		Tình trạng cấp GCN	Thời điểm SDĐ so với năm	Tình trạng tranh chấp	Ghi chú
30 hộ	**THÔN AN HOÀ**	**59 thửa**		**228,193**	**58 thửa**		**227618.1**					
1	Nguyễn Đức Cần	1509	8	2,885	429	9	3432.3	Nguyễn Đức Cần	Cấp giấy	Trước	Không	
		1541	8	5,305	819	10	4799.5		Cấp giấy	Sau	Không	
		1574	8	934	55	15	1295.3		Cấp giấy	Trước	Không	
		1576	8	244								
		1577	8	1,262	66	15	1240		Cấp giấy	Trước	Không	
2	Phan Lan	1543	8	10,604	535	9	10532.8	Phan Lan	Cấp giấy	Sau	Tranh chấp 2015	
3	Phạm Văn Lương	1515	8	4,948	484	9	5382.5	Phạm Văn Lương	Cấp giấy	Sau	Không	
4	Nguyễn Sau	1516	8	6,015	493	9	7180	Nguyễn Sau	Cấp giấy	Sau	Không	
5	Nguyễn Đức Thức	1523	8	10,253	502	9	10389.5	Nguyễn Đức Thức	Cấp giấy	Sau	Không	
6	Thi Văn Quang	1527	8	5,719	499	9	5692	Thi Văn Quang	Cấp giấy	Trước	Không	
7	Nguyễn Lộc	1529	8	4,517	512	9	4601.1	Nguyễn Lộc	Cấp giấy	Sau	Tranh chấp 2015	
		1545	8	5,156	531	9	5507.1		Cấp giấy	Sau	Tranh chấp 2015	
		1560	8	4,598	36	15	5215.3		Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
		1581	8	697	70	15	685	Nguyễn Lộc	Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
8	Phan Tâm	1532	8	9,953	511	9	8864.3	Phan Tâm	Cấp giấy	Sau	Không	
9	Thi Thị Lên	1511	8	495	452	9	599.2	Thi Thị Lên	Cấp giấy	Trước	Không	
		1513	8	817	467	9	676.4		Cấp giấy	Trước	Không	
10	Võ Thị Đồng	1512	8	1,823	453	9	2276.6	Võ Thị Đồng	Cấp giấy	Trước	Không	
		1564	8	418	34	15	600.9		Cấp giấy	Trước	Không	
		1591	8	4,878	125	15	51.7	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
11	Võ Ngọc Vũ	1519	8	1,384	488	9	1342.7	Võ Ngọc Vũ	Cấp giấy	Sau	Tranh chấp 2015	
		1526	8	2,564	504	9	2527.2	UB	Chưa cấp	Sau	Tranh chấp 2015	
12	Nguyễn Đức Thiện	1536	8	1,207	583	9	1226.7	Nguyễn Đức Thiện	Cấp giấy	Trước	Không	
		1579	8	466	68	15	509.7		Cấp giấy	Trước	Không	
		1603	8	1,667	295	15	1698.9		Cấp giấy	Trước	Không	

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ trích đo 2003			Theo bản đồ VLAP 2014			Họ và Tên người sử dụng đất hiện nay	Hiện trạng đất			
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)		Tình trạng cấp GCN	Thời điểm SDĐ so với năm	Tình trạng tranh chấp	Ghi chú
13	Hồ Một	1547	8	3,338	543	9	3689	Hồ Một	Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
		1553	8	992	888	10	1201.8		Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
14	Phan Xuân	1537	8	9,647	520	9	11733	Phan Xuân	Cấp giấy	Sau	Tranh chấp 2015	
16	Nguyễn Đức Giảng	1540	8	10,951	527	9	10592.8	Nguyễn Đức Giảng	Cấp giấy	Sau	Không	
		1570	8	1,052	43	15	1037.8	UB	Chưa cấp	Trước	Không	
		1597	8	966	204	15	982.2	Nguyễn Đức Giảng	Cấp giấy	Trước	Không	
		1600	8	2,347	270	15	2412.1		Cấp giấy	Trước	Không	
16	Phan Ngọc	1546	8	10,114	599	9	10232.5	Phan Ngọc	Cấp giấy	Sau	Không	
17	Nguyễn Cường	1535	8	10,018	521	9	10284.7	Nguyễn Cường	Cấp giấy	Sau	Tranh chấp 2015	
		1542	8	3,796	515	9	4882.9		Cấp giấy	Sau	Không	
		1548	8	11,437	841	10	9269.2		Cấp giấy	Sau	Không	
18	Phạm Hùng	1549	8	5,139	552	9	5813	Phạm Hùng	Cấp giấy	Sau	Tranh chấp 2015	
		1558	8	8,692	566	9	8880.6		Cấp giấy	Sau	Tranh chấp 2015	
19	Nguyễn Đức Huy	1550	8	3,172	542	9	3315.3	Nguyễn Đức Huy	Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
		1585	8	643	81	15	798.9		Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
20	Phạm Đăng Dũng	1554	8	10,884	573	9	9347.6	Phạm Đăng Dũng	Cấp giấy	Sau	Tranh chấp 2015	
21	Nguyễn Ngọc Thơ	1556	8	4,872	550	9	2710.6	Nguyễn Ngọc Thơ	Cấp giấy	Trước	Tranh chấp 2015	
22	Phan Nên	1557	8	10,142	565	9	9350.1	Phan Lan	Cấp giấy	Sau	Không	
23	Nguyễn Văn Dũng	1552	8	3,756	872	10	4213.9	Nguyễn Văn Dũng	Cấp giấy	Sau	Không	
		1559	8	1,797	19	15	1836.7		Cấp giấy	Trước	Không	
		1562	8	772	346	9	817.4		Cấp giấy	Trước	Không	
24	Trần Thị Dậu	1573	8	1,531	56	15	1508.9	Trần Thị Dậu	Cấp giấy	Trước	Không	
		1578	8	592	67	15	489.1		Cấp giấy	Trước	Không	
25	Nguyễn Đức Tạo	1590	8	6,973	97	15	9214.6	UB	Chưa cấp GC	Trước	Không	
26	Nguyễn Thị Nhàn	1592	8	706	127	15	619.2	Nguyễn Thị Nhàn	Cấp giấy	Trước	Không	
		1594	8	558	1088	15	628.7		Cấp giấy	Trước	Không	

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ trích đo 2003			Theo bản đồ VLAP 2014			Họ và Tên người sử dụng đất hiện nay	Hiện trạng đất			
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)		Tình trạng cấp GCN	Thời điểm SDĐ so với năm	Tình trạng tranh chấp	Ghi chú
27	Nguyễn Đức Tự	1593	8	865	128	15	793.6	Nguyễn Đức Tự	Cấp giấy	Trước	Không	
		1595	8	1,105	460	15	1185.7		Cấp giấy	Trước	Không	
		1601	8	391	297	15	392.8		Cấp giấy	Trước	Không	
		1605	8	1,142	322	15	1141.8		Cấp giấy	Trước	Không	
28	Thi Văn Trị	1608	8	3,706	420	15	3744.7	Thi Văn Trị	Cấp giấy	Trước	Không	
		1611	8	1,587	493	15	1885.9		Cấp giấy	Trước	Không	
29	Nguyễn Thị Minh Tâm	1609	8	2,389	438	15	2463.9	Nguyễn T. Minh Tâm	Cấp giấy	Trước	Không	
30	Nguyễn Đức Phong	1612	8	3,312	536	15	3820.4	Nguyễn Đức Phong	Cấp giấy	Trước	Không	
43 hộ	**Tổng (II)**	**77 thửa**		**331,885**	**76 thửa**		**350555.1**					
98 hộ	**Tổng(I+II)**	**157 thửa**		**660,659**	**164 thửa**		**721024.8**					

Ghi chú: * Trong số không có biên bản giao đất, có 220319.1 m2/56 thửa đã được cấp GCN và 150151 m2/32 thửa chưa được cấp GCN

* Trong số có biên bản giao đất, có 290185.6 m2/66 thửa đã được cấp GCN và 60369 m2/10 thửa chưa được cấp GCN

*** Trong số có và không có biên bản giao đất, có 510504.7 m2/122 thửa đã được cấp GCN và 210520.1 m2/42 thửa chưa được cấp GCN**

Phụ lục 02

DIỆN TÍCH UBND XÃ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ GIAO CHO 27 HỘ, CÁ NHÂN

(Kèm theo Kết luận thanh tra số [illegible]/KL-UBND ngày 25/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ 388 (trích đo năm 2002)				Theo bản đồ VLAP 2014			Ghi chú
		Xứ đồng	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	
I	THÔN AN ĐỊNH		*17 thửa*		*219629.0*			*127810.8*	
1	Võ Duy Pha	Trũng tượng	1010	3	31494.0				Gộp 3 lô đấu thầu
	Võ Duy Pha	Trũng tượng	1015	3	8723.0				1 lô, Lê Văn Minh đấu thầu chuyển lại
2	Lê Văn Minh	Trũng tượng	1021	3	3987.0				
3	Lê Chí	Trũng tượng	1019	3	10575.0				
4,5	Trần Việt Hùng Nguyễn Trung Bộ	Trũng tượng	1023	3	27622.0				Gộp 3 lô, trong đó có 1 lô lấy tên Nguyễn Trung Bộ đấu thầu
6	Lê Văn Dũng	Trũng tượng	1027	3	10002.0				
7	Trần Thị Thúy	Đồn mới	505	4	10112.0	2	7	15894.2	
8	Nguyễn Văn Nghĩa	Đồn mới	506	4	9506.0	3	7	4117.5	Nguyễn Văn Nghĩa nhận theo giá sàn, chuyển lại
9	Nguyễn Thị Hồng Vân	Đồn mới	507	4	10006.0	40	6	10005.3	Lấy tên Ng. T. H . Vân đấu thầu
10	Lê Thị Liễu (tức là Trần Đình Trung đấu bán lại)	Đồn mới	510	4	15230.0	4	7	14192.4	Gộp 2 lô, Đặng Huynh lấy tên Lê Chí và Trần Đình Trung đấu thầu chuyển lại
11	Trần Văn Đệ	Trảng thiên	514	4	12661.0	8	7	4650.8	Trần Văn Đệ nhận theo giá sàn, chuyển lại
						9	7	7788.3	
12	Trần Văn Mẫn	Rừng kiến	520	4	13449.0	127	6	12056	
13	Trần Văn Tùng	Trảng thiên	521	4	10839.0	13	7	10439.1	
14	Nguyễn Văn Chính	Trảng thiên	523	4	7944.0	14	7	2822.6	Đấu chung với anh vợ là Trần Văn Mẫn
						175	7	4108.6	
15	Nguyễn T Kim Dung	Rừng kiến	527	4	11724.0	172	6	19778.1	Vợ là Nguyễn T Kim Dung đấu thầu DT thửa 20194, giao đất 8470

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ 388 (trích đo năm 2003)				Theo bản đồ VLAP 2014			Ghi chú
		Xứ đồng	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	
16	Phạm Ngọc Thiệu	Trảng thiên	529	4	9591.0	20	7	6144.2	Lấy tên Phạm N Thiệu đấu thầu
	Võ Duy Pha	Trảng thiên	549	4	16164.0	30	7	10777.1	
						32	7	1544.9	
						39	7	1783.3	
						40	7	1708.4	
II	**THÔN AN TÂN**		***3 thửa***		***49172.0***			***52919.4***	
1	Võ Thạnh	Gò trính	1029	3	12995.0	136	2	799.2	
						137	2	692.3	
						138	2	991.1	
						140	2	727.1	
						143	2	944.2	
						144	2	2046.5	
						148	2	1978.9	
						150	2	2671.5	
						151	2	4786.5	
	Võ Thạnh	Gò trính	1032	3	11020.0	2	5	1107.7	
						3	5	753.9	
						4	5	574.9	
						5	5	1060.4	
						11	5	4924.2	
						22	5	1088.9	
						42	5	2067.4	
2	Lê Mộng Sơn	Rừng sẹt	1073	3	25157.0	342	5	25704.7	Gộp 3 lô, lấy tên Lê Mộng Sơn đấu thầu
III	**THÔN TRUNG MỸ**		***10 thửa***		***114852.0***			***157992.8***	
1	Nguyễn Văn Thông	Đồn bảo	1440	11	10582.0	267	19	7883.0	
						270	19	928.3	

TT	HỌ VÀ TÊN	Theo bản đồ 388 (trích đo năm 2003)				Theo bản đồ VLAP 2014			Ghi chú
		Xứ đồng	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	
						272	19	2438.4	
2	Nguyễn Vạn Binh	Đồn bảo	1441	11	7576.0	266	19	13729.0	
3	Đỗ Quang Dy	Đồn bảo	1446	11	8307.0	839	20	27992.1	
4	Nguyễn Văn Lô	Đồn bảo	1449	11	14753.0	277	19	2934.8	
						278	19	2104.8	
						279	19	9609.5	
5	Trần Công	Đồn bảo	1450	11	10000.0	269	19	9654.2	
6	Lê Văn Hội	Đồn bảo	1452	11	10001.0	839	20	27992.1	
7	Trần Văn Thiện	Đồn bảo	1453	11	10004.0	869	20	19227.8	
	Trần Văn Thiện	Đồn bảo	1455	11	10050.0				
8	Trịnh Vân	Đồn bảo	1456	11	19101.0	810	20	14161.1	
						754	20	4876.3	
						910	20	190.3	
9	Thi Văn Toa	Đồn bảo	1457	11	14478.0	1	7	2277.6	Xã Hành Nhân
						14	8	2696.7	Xã Hành Nhân
						43	8	8441.3	Xã Hành Nhân
						44	8	855.5	Xã Hành Nhân
Tổng cộng (I+II+III)			*30 thửa*		*383653.0*	*51 thửa*		*338723.0*	

27 hộ gia đình, cá nhân ban đầu đứng tên đấu thầu sau đó có một số chuyển nhượng lại cho người khác để sử dụng

Phụ lục 03

DIỆN TÍCH ĐẤT BỊ UBND XÃ BỔ SUNG VÀO QUỸ ĐẤT 5%

(Kèm theo Kết luận thanh tra số [illegible]/KL-UBND ngày 25../10../2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Các đối tượng sử dụng	Theo bản đồ [illegible]			Theo bản đồ 388			Ghi chú
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	
I	Cho HTX NN mượn			*28903.5*			*30116.0*	
1		12	5	7838.5	1035	3	10000	
2		17	5	1990.7		3		
3		29	5	2881.5		3		
4		44	5	525.5	1037	3	10107	
5		53	5	737.9		3		
6		54	5	1192		3		
7		51	6	2088.9		3		
8		23	6	1391.2	1034	3	10009	
9		24	6	1391.7		3		
10		30	6	742.8		3		
11		31	6	1270.9		3		
12		34	6	988.6		3		
13		44	6	5863.3		3		
II	Cho 2 cá nhân mượn			*17927.5*			*17741.0*	
1		631		7288.2	1445	11	7735	UBND xã cho 10 hộ dân mượn: Lê Tấn Bốn, Nguyễn Thanh Nhạc, Nguyễn Vạn Bình, Phạm Duy Cường, Trương Tám, Lê Cửu, Võ Duy Bình, Lê Văn Tấn, Nguyễn Lô, Hồ Sùng
2		635		10639.3	1437	11	10006	
III	Cho tập thể thuê			*39288.1*			*40512.0*	

TT	Các đối tượng sử dụng	Theo bản đồ VLAP			Theo bản đồ 388			Ghi chú
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	
1	LL Dân quân thôn An Định - An Tân	145	5	1812.6	1030	3	10869	
2	LL Dân quân thôn An Định - An Tân	152	5	5194.0				
3	LL Dân quân dân quân Trung - Mỹ	633	20	13518.8	1426	11	10491	
4								
5	LL Dân quân dân quân Kim Thành	809	20	13082.7	1451	11	11118	
6	LL Dân quân thôn An Hòa	489	9	5680.0	518	8	8034	
IV	**Cho cá nhân thuê**			***62558.5***			***68047.0***	
1		15	6	28104.0	500	4	10029	Thuê 1 phần DT 49946.9 thửa 15; UBND xã cho Nguyễn Đình Luyện, Nguyễn Thị Thu, Phan Đình Phần, Lê Sổ mượn
					501	4	10189	UBND xã cho các ông: Đỗ Thanh Bình, Huỳnh Văn Phước, Nguyễn Trường Thọ, Trần Bình mượn
		3	3	7589.1	1007	3	17034	Cho Trần Đình Khôi mượn
		4	3	9036.9	1008	3	10794	Cho Nguyễn Tiến Khôi mượn
		5	3	17828.5	1011	3	20001	UBND xã cho ông Võ Công Uẩn, Trịnh Văn Minh mượn
V	**QH Nghĩa địa, bải rác thải**			***13156.7***			***17127.0***	
1		16	7	7500.0	524	4	7500	Một phần diện tích đất của thửa đất nghĩa địa cũ
2		63	5	5656.7	1039	3	9627	
VI	**Diện tích cho Cty Mỹ Yên thuê**			***81442.3***			***88469.0***	
1	Đất vườn ươm	15	6	21890	498	4	10006	Thuê 1 phần DT 49946.9 thửa 15

TT	Các đối tượng sử dụng	Theo bản đồ VLAP			Theo bản đồ 388			Ghi chú
		Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m^2)	
					499	4	10014	
2	Đất giao cho cán bộ huyện mượn	39	6	11715.1	508	4	14562	UBND xã cho mượn: Nguyễn Thanh Long, Huỳnh Thị Thái, Trần Văn Phương, Lê Thị Diếc
					502	4	10002	UBND xã cho mượn: Đoàn Thị Kim Cảnh, Phạm Thị Thu Hà, Võ Thị Đầm, Lê Thị Cúc, Trần Ân
		61	6	14624.9	512	4	11019	UBND xã cho mượn: Trần Quang Lộc, Đỗ Lợi, Đỗ Đức Chánh, Trần Tài, Nguyễn Diên Manh
		72	6	33212.3	509	4	12813	UBND xã cho mượn: Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Thị Bồng, Phạm Thị Hiệu, Đặng Thị Thanh, Lê Ngọc Thạch
					513	4	10034	UBND xã cho mượn: Trần Lựu, Nguyễn Đăng Tiến, Trần Thị Bân, Lê Thuộc, Trần Văn Tấn
					517	4	10019	UBND xã cho mượn: Lê Thị Tịnh, Trần Văn Long, Võ Thị Sang, Trần Vạn, Nguyễn Thị Hồng Vân
VII	**Diện tích không sử dụng (đất giao thông hào)**			**2731.0**	1454	11	2731	
	TỔNG CỘNG			**246007.6**			**264743.0**	

Phụ lục 04

TRƯỜNG HỢP BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THU

1. Kết quả thanh tra:

Bà Nguyễn Thị Bích Thu hiện cư trú tại thôn Trung Mỹ, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, là hộ sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Kết quả xác minh cho thấy hộ bà Thu đang sử dụng 03 thửa đất rừng sản xuất, cụ thể như sau:

- Thửa đất số 1447, diện tích 10.196m^2, thuộc tờ bản đồ số 11 xã Hành Dũng lập năm 2005. Thửa đất này nằm trong số diện tích đất rừng 388 Công ty NLSXK Quảng Ngãi bàn giao lại cho UBND xã vào năm 2003, được UBND xã đưa vào phân bổ theo Kế hoạch số 05/KH-UB ngày 10/7/2003. Bà Thu được UBND xã xét thu tiền và giao đất để sử dụng vào năm 2003 – 2004 (không lập biên bản giao đất). Theo trình bày của bà Thu thì hiện trạng diện tích này trước khi bà ra sử dụng chỉ có một số cây bạch đàn trên đất còn chủ yếu là đất trống.

Trong quá trình bà Thu sử dụng có một số hộ dân ở xã Hành Nhân ra tranh chấp nhưng UBND xã mời làm việc giải thích đất này là của xã Hành Dũng nên các hộ dân Hành Nhân đã không còn phát sinh tranh chấp và bà tiếp tục sử dụng. Đến năm 2014, khi bà khai thác keo thì UBND xã mời làm việc, cho rằng đất này do UBND xã quản lý nên bà có đơn giao đất rừng đề ngày 04/9/2014 đề nghị cho tiếp tục được sử dụng một chu kỳ và đóng phí cho UBND xã *(bà Thu đã nộp 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 036928 lập ngày 12/9/2014, nội dung thu ghi "thu tiền ủng hộ địa phương")*, hết chu kỳ bà sẽ giao đất lại cho UBND xã. Hiện nay trên đất đang có keo được gần 01 năm tuổi của bà Thu. Thửa đất này hiện đang có đơn tranh chấp của một số hộ dân ở thôn Kim Thành và Trung Mỹ xã Hành Dũng, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân. Theo bản đồ VLAP lập năm 2014 là thửa số 279, diện tích 9.609,5m^2, thuộc tờ bản đồ số 19, thửa đất này chưa được cấp GCNQSDĐ.

- Thửa đất số 170, diện tích 94.329m^2 thuộc tờ bản đồ số 16 xã Hành Dũng lập năm 2005:

Theo bản tự khai ngày 17/11/2015 của ông Đỗ Quang Phú và kết quả làm việc với bà Nguyễn Thị Bích Thu tại biên bản ngày 27/4/2016 thì thửa đất này có nguồn gốc của Lâm trường Nghĩa Hành trước đây, sau này bàn giao cho Công ty NLSXK Quảng Ngãi quản lý vào năm 1997, ông Phú được Công ty hợp đồng thuê bảo vệ cây và giữ đất. Đến năm 2002 ông Phú đã hợp tác với vợ chồng bà Thu và ông Lê Tấn Ba để trồng keo trên diện tích khoảng 05ha, đến năm 2004 thì ông Phú và vợ chồng bà Thu tiếp tục hợp tác trồng keo trên toàn bộ diện tích còn lại của thửa đất. Đến ngày 25/7/2007 ông Phú viết giấy tay chuyển nhượng toàn bộ diện tích và keo trên đất cho bà Thu (giấy chuyển nhượng viết tay có xác nhận của UBND xã Hành Nhân ngày 31/7/2007). Tuy nhiên qua rà soát cho thấy **thửa đất này không nằm trong số diện tích đất rừng 388 Công ty NLSXK Quảng Ngãi bàn giao lại cho UBND huyện và UBND xã Hành Dũng vào năm 2003**

và không nằm trong Kế hoạch 05/KH-UB về phân bổ đất rừng 388 của UBND xã.

Ngày 04/9/2009 bà Thu có đơn xin cấp GCNQSDĐ (theo mẫu) kê khai xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 170, tờ bản đồ số 16, diện tích 94.329m^2, nguồn gốc sử dụng đất ghi *"khai hoang đất trống đối núi trọc từ năm 1990"*, phần xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng của UBND xã ghi *"khai hoang đất trống từ đất trước đây của lâm trường bỏ hoang, sử dụng từ năm 1990"*. Đơn của bà Thu đã được UBND xã xác nhận ngày 11/11/2009, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện thẩm tra, Trưởng phòng TNMT huyện xác nhận ngày 29/11/2010. Đơn xin cấp GCNQSDĐ của bà Thu đã được Hội đồng tư vấn giao đất xã Hành Dũng họp xét ngày 24/10/2009; UBND xã đã thực hiện niêm yết công khai danh sách xét duyệt của Hội đồng tư vấn[1], có Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 17/11/2010 đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho 77 hộ, 139 GCNQSDĐ cho 139 thửa đất. Ngày 20/6/2011, UBND huyện Nghĩa Hành đã cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị Bích Thu đối với thửa đất này.

Năm 2012, sau khi thác keo trên phần diện tích khoảng 04ha đã trồng từ năm 2002 thì một số hộ dân xã Hành Nhân lên chiếm trồng keo[2], bà đã có đơn đề ngày 04/8/2012 gửi UBND xã Hành Nhân yêu cầu giải quyết nhưng chưa dứt điểm, đến nay các hộ này vẫn đang chiếm trồng keo. Phần diện tích gần 05ha còn lại hiện bà vẫn đang trồng keo. Hiện nay có 41 cá nhân cư trú tại thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân và 12 cá nhân cư trú tại thôn Kim Thành, xã Hành Dũng phát sinh đơn tranh chấp với bà Thu đối với thửa đất này.

- Thửa đất mua của công dân xã Hành Nhân là các ông Nguyễn Văn Trị (mua 2005) và ông Hồ Ty (mua năm 2006), có tổng diện tích gần 02ha **thuộc địa phận xã Hành Nhân**, giáp phía Nam thửa đất 170 nêu trên. Việc mua bán chỉ bằng giấy viết tay. Năm 2011, sau khi khai thác keo thì bị các hộ dân xã Hành Nhân lên chiếm trồng keo[3], bà đã có đơn yêu cầu UBND xã Hành Nhân giải quyết nhiều lần nhưng cũng chưa dứt điểm. Hiện nay, các hộ này vẫn đang chiếm trồng.

Ngoài 03 thửa đất đã trình bày nêu trên, bà Thu khẳng định bà không sử dụng bất kỳ thửa đất lâm nghiệp nào trên địa bàn xã Hành Dũng.

2. Nhận xét, kết luận

- Thửa đất số 1447, diện tích 10.196m^2, thuộc tờ bản đồ số 11 xã Hành Dũng lập năm 2005. Thửa đất này nằm trong số diện tích đất rừng 388 Công ty NLSXK Quảng Ngãi bàn giao lại cho UBND xã vào năm 2003, được UBND xã

---

[1] Thông báo số 33/TB-UBND ngày 26/10/2009 v/v niêm yết công khai; Biên bản ngày 11/11/2009 v/v kết thúc niêm yết công khai, trong thời gian công khai không có khiếu nại về danh sách các trường hợp đủ điều kiện.

[2] Các hộ chiếm trồng keo gồm: Nguyễn Lục, Lê Xuân Dũng, Đỗ Tám, Lê Trung, Lê Thống, Nguyễn Thị Túy, Lê Hùng, Nguyễn Thiệt, Nguyễn Văn Tịnh, Phan Xuân, Đỗ Hữu, Phan Dương, Phạm Thuê, Nguyễn Đức, Nguyễn Tấn Hà, Nguyễn Tấn Sĩ, Lê Văn Huỳnh, Nguyễn Hùng (con bà Trung), bà Dương, Võ Trực, Võ Bình.

[3] Các hộ chiếm đất gồm: Lê Văn Tân, Nguyễn Văn Lục, Trần Thị Hường, Nguyễn Văn Tịnh, Võ Bình, Phan Xuân, Đỗ Dân, Đặng Thị Tại, Đỗ Thuê, Nguyễn Văn Đây, ông Vân.

đưa vào phân bổ theo Kế hoạch số 05/KH-UB ngày 10/7/2003. Theo bản đồ VLAP lập năm 2014 là thửa số 279, diện tích 9.609,5m^2, thuộc tờ bản đồ số 19, thửa đất này chưa được cấp GCNQSDĐ. Thửa đất này bà Thu đã có đơn đề ngày 04/9/2014 đồng ý trả lại cho UBND xã sau khi kết thúc chu kỳ keo, do đó sau khi bà Thu khai thác keo xong, UBND huyện cần chỉ đạo biện pháp cụ thể để thu hồi quản lý đưa vào phương án giao đất chung trên địa bàn xã.

- Thửa đất số 170, diện tích 94.329m^2 thuộc tờ bản đồ số 16 xã Hành Dũng lập năm 2005 có nguồn gốc của Công ty NLSXK được Nhà nước giao sử dụng nhưng quản lý không chặt chẽ, để bà Thu và ông Phú sử dụng canh tác từ 2002, đến năm 2006 bà Thu làm thủ tục kê khai đăng ký xin cấp GCNQSDĐ vẫn không có ai tranh chấp, khiếu nại. Căn cứ quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 19/10/2004, khoản 1 Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì thời điểm năm 2011 bà Thu đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này. Nay căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 và điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 25/5/2014 của Chính phủ thì không có căn cứ thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho bà Thu. Thửa đất này hiện đang có phát sinh tranh chấp thì cần được giải quyết tranh chấp theo trình tự quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Thửa đất thuộc địa bàn xã Hành Nhân bà Thu chưa được cấp GCNQSDĐ, hiện đang có phát sinh tranh chấp thì cần được giải quyết tranh chấp theo trình tự quy định của Luật Đất đai năm 2013./.

Phụ lục 5

ĐỐI VỚI CÁC ÔNG VÕ THẠNH, LÊ TẤN BA, TRẦN VĂN TRỮ, VÕ DUY PHÚ

1. Kết quả thanh tra

Ngày 25/5/2001, các ông Lê Tấn Ba, Võ Thạnh, Trần Văn Trữ đại diện cho bên đầu tư lập Biên bản làm việc với đại diện các hộ xã viên: Huỳnh Tấn Bốn, tập thể nhân dân thôn An Phước, Nguyễn Hồ, Trần Văn Lộc, Trần Văn Đào, Bùi Tấn Sĩ, Huỳnh Tấn Đủ, Nguyễn Điều, Nguyễn Đức Thống, Võ Văn Thức, Phan Thanh Hải, Trần Văn Mẫn với nội dung hợp tác trồng keo lai như sau: *"Tổng diện tích 86,5ha có 7,9ha của hộ Bùi Tấn Sĩ và hộ Huỳnh Ký tự túc trồng bằng vốn tự có. Số còn lại 78,6ha bên đầu tư lo vốn toàn bộ và hộ đăng ký nhận khoán bảo vệ sẽ được đăng ký cụ thể sau"*. Biên bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được UBND xã Hành Dũng xác nhận ngày 29/5/2001 với nội dung *"tập thể nông dân thôn An Phước và các hộ trên đã được UBND huyện Nghĩa Hành ra quyết định giao đất vào ngày 08/9/1997 với tổng diện tích 78,6ha. Nay các hộ trên có nhu cầu hợp tác cùng đầu tư để phát triển trồng rừng, kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết."*

Kết quả xác minh cho thấy diện tích đất mà các ông ký kết hợp tác với các hộ dân vào năm 2001 nguyên có nguồn gốc của Lâm trường Nghĩa Minh trồng bạch đàn, điều, mít; đến khoảng năm 1981 tách huyện thì phần đất này do Lâm trường Nghĩa Hành quản lý, sử dụng để trồng bạch đàn nhưng không hiệu quả; đến năm 1997 khi Lâm trường Nghĩa Hành sáp nhập với Công ty NLSXK Quảng Ngãi thì diện tích này được UBND huyện giao cho các hộ dân để phủ xanh đất trống đồi núi trọc tuy nhiên các hộ này không sử dụng. Sau khi ký kết hợp tác, bên đầu tư đã sử dụng các quyết định giao đất của UBND huyện vào năm 1997 cho các hộ dân tham gia hợp tác để làm thủ tục nhận vốn đầu tư của Công ty NLSXK Quảng Ngãi *(4,5 triệu đồng/01 ha/06 năm)*. Tuy nhiên sau khi được đầu tư vốn thì các hộ dân tham gia hợp tác không nhận vốn để trồng theo thỏa thuận nên các ông Võ Thạnh, Lê Tấn Ba, Trần Văn Trữ, Nguyễn Thành Tuấn đã tự đầu tư trồng keo lai trên diện tích đất của các hộ tham gia hợp tác. Từ năm 2001 đến năm 2006 thấy các hộ dân có quyết định giao đất của UBND huyện vào năm 1997 không phát sinh khiếu nại, tranh chấp gì, hơn nữa do UBND huyện đã có Quyết định số 159QĐ/UB ngày 21/6/2002 thu hồi diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho năm 1997 – 1998 cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân do không sử dụng đất sau khi được giao nên các ông Võ Thạnh, Lê Tấn Ba, Trần Văn Trữ, Võ Duy Phú *(được ông Nguyễn Thành Tuấn thỏa thuận nhượng lại diện tích ông Tuấn đang sử dụng)* đã kê khai diện tích đang sử dụng và đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ[1]. Cụ thể:

---

[1] Thủ tục xin cấp GCNQSDĐ của 04 hộ nêu trên đều làm cùng trong 01 đợt, các đơn xin cấp GCNQSDĐ đều được lập cùng ngày 21/11/2006, trong đó kê khai nguồn gốc sử dụng đất là *"Nhà nước giao"*, tại phần xác nhận nguồn gốc đất UBND xã Hành Dũng cũng xác nhận *"Nhà nước giao, sử dụng ổn định từ 2001"*. Các đơn xin cấp GCNQSDĐ đã được Hội đồng tư vấn giao đất xã Hành Dũng họp xét đồng ý ngày 01/12/2006, UBND xã thực

- Ông Võ Thạnh kê khai đăng ký và làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ tổng cộng 259.511m^2 gồm 04 thửa đất: thửa số 01/87.749m^2, tờ bản đồ số 14; thửa số 02/153.888m^2, tờ bản đồ số 14; thửa số 15/16.631m^2, tờ bản đồ số 13 và thửa số 26/1.263m^2 tờ bản đồ số 13 xã Hành Dũng lập năm 2005. Diện tích này trước đây có quyết định giao đất của UBND huyện cho các ông Phan Thanh Hải (chồng bà Võ Thị Doa), Trần Văn Mẫn, Nguyễn Vương. Sau khi được cấp GCNQSDĐ ông Thạnh tiếp tục sử dụng, không có ai tranh chấp. Đến năm 2009, ông Phan Thanh Hải (vợ là bà Võ Thị Doa) phát sinh tranh chấp với ông với diện tích khoảng 05 sào, hiện đang trồng keo trên diện tích đã chiếm. Ngoài ra, hiện nay còn có 06 hộ dân thôn An Định phát sinh đơn tranh chấp đất với ông Võ Thạnh gồm: Trần Văn Ân, Trần Mười, Phạm Đức Tuấn, Trần Đoàn, Nguyễn Đăng Chỉnh, Trần Văn Phước.

- Ông Lê Tấn Ba kê khai đăng ký và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ tổng cộng 195.320m^2 gồm 04 thửa đất: thửa số 20/24.698m^2 và 58/10.307m^2 thuộc tờ bản đồ số 13; thửa số 3/117.999m^2 và thửa số 4/43.216m^2 thuộc tờ bản đồ số 14 xã Hành Dũng lập năm 2005. Phần diện tích này liên quan đến một phần đất của ông Nguyễn Đức Thống đã có quyết định giao đất của UBND huyện vào năm 1997. Sau khi được cấp GCNQSDĐ ông Ba tiếp tục sử dụng, không có ai tranh chấp. Đến năm 2009, ông Võ Văn Giáp, Nguyễn Đức Thống, Võ Văn Minh, Phạm Dương lên chiếm đất trồng keo trên một phần diện tích khoảng gần 04 ha mà ông Ba đã được cấp GCNQSDĐ, ông có yêu cầu UBND xã can thiệp giải quyết nhưng không phát sinh đơn tranh chấp. Đến nay keo các hộ đã đến kỳ khai thác.

- Ông Trần Văn Trữ kê khai đăng ký và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ tổng cộng 247.845m^2 gồm 02 thửa đất: 48/227.833m^2 và 57/20.012m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 13 xã Hành Dũng lập năm 2005. Phần diện tích này liên quan đến đất của ông Nguyễn Hổ, Nguyễn Văn Hảo (nguyên thôn trưởng thôn An Phước) đã có quyết định giao đất của UBND huyện vào năm 1997. Trong quá trình ông trồng keo từ năm 2001-2009, ông sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp. Khi khai thác keo vào năm 2009, vợ chồng ông Nguyễn Dương bà Ngô Thị Tiên và vợ chồng ông Lê Văn Thiên bà Ngô Thị Tường Vy lên giành đất, tranh chấp với ông, UBND xã tổ chức hòa giải nhưng không thành, TAND huyện đã giải quyết sơ thẩm, TAND tỉnh đã giải quyết phúc thẩm buộc ông Thiên và ông Dương trả lại đất lấn chiếm cho ông Trữ[2]. Tuy nhiên đến nay ông Dương vẫn đang trồng mì trên diện tích 4.636m^2 của thửa đất số 48, ông Thiên đang trồng keo trên diện tích 14.907m^2 đã lấn chiếm năm 2009. Ngoài ra hiện nay còn có ông Phạm Dương (thôn An Tân) phát sinh đơn tranh chấp đất với ông Trữ.

---

hiện thủ tục niêm yết công khai[1] và có Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 20/12/2006 đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ, Phòng TNMT huyện có Tờ trình số 09/TTr-TN&MT ngày 10/01/2007 và UBND huyện Nghĩa Hành đã cấp GCNQSDĐ vào ngày 12/02/2007 (mỗi thửa được cấp 01 GCNQSDĐ).

[2] Các Bản án sơ thẩm số 24/2011/DSST ngày 03/6/2011và 25/2011/DSST ngày 07/6/2011 của TAND huyện; các Bản án phúc thẩm số 52/2011/DSPT ngày 16/9/2011 và 56/2011/DSST ngày 28/9/2011 của TAND tỉnh.

- Ông Võ Duy Phú thỏa thuận nhận chuyển nhượng diện tích đất của ông Nguyễn Thành Tuấn sử dụng để kê khai đăng ký và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ 01 thửa đất số 1/252.474m^2, tờ bản đồ số 18 xã Hành Dũng lập năm 2005. Phần diện tích này trước đây ông Trần Văn Mẫn được UBND huyện có quyết định giao đất. Sau khi ông Phú được cấp GCNQSDĐ, đến khoảng năm 2008 ông Mẫn có lên tranh chấp, nhổ cây của ông Phú nhưng sau khi thương lượng thì ông Mẫn không tranh chấp nữa và ông Phú sử dụng ổn định đến nay không có ai tranh chấp. Trong số 92 đơn phát sinh, không có trường hợp nào tranh chấp với ông Phú.

Qua rà soát, toàn bộ diện tích của các ông Võ Thạnh, Lê Tấn Ba, Trần Văn Trữ, Võ Duy Phú đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ vào năm 2007 **không nằm trong số diện tích đất rừng 388 Công ty NLSXK Quảng Ngãi bàn giao lại cho UBND huyện và UBND xã Hành Dũng vào năm 2003** và không nằm trong Kế hoạch 05/KH-UB về phân bổ đất rừng 388 của UBND xã.

2. Nhận xét, kết luận:

Diện tích đất các ông Võ Thạnh *(thửa số 01/87.749m^2, tờ bản đồ số 14; thửa số 02/153.888m^2, tờ bản đồ số 14; thửa số 15/16.631m^2, tờ bản đồ số 13 và thửa số 26/1.263m^2 tờ bản đồ số 13)*, Lê Tấn Ba *(thửa số 20/24.698m^2 và 58/10.307m^2 thuộc tờ bản đồ số 13; thửa số 3/117.999m^2 và thửa số 4/43.216m^2 thuộc tờ bản đồ số 14)*, Trần Văn Trữ *(thửa số 48/227.833m^2 và thửa số 57/20.012m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 13)* và Võ Duy Phú *(thửa đất số 01/252.474m^2, tờ bản đồ số 18)* sử dụng từ năm 2001 có nguồn gốc nguyên là đất lâm nghiệp của các hộ dân đã được UBND huyện Nghĩa Hành có quyết định giao đất ngày 08/9/1997 nhưng do các hộ này không sử dụng đất nên UBND huyện Nghĩa Hành đã ban hành Quyết định số 159QĐ/UB ngày 21/6/2002 thu hồi diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho năm 1997 – 1998 cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Từ khi sử dụng đến thời điểm làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ vào năm 2006 không có ai phát sinh tranh chấp, khiếu nại, năm 2007 UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ cho các ông.

Căn cứ quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 19/10/2004 của Chính phủ thì thời điểm năm 2007 các hộ Võ Thạnh, Trần Văn Trữ, Lê Tấn Ba, Võ Duy Phú đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ đối với số diện tích đang sử dụng nêu trên. Nay căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 và điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 25/5/2014 của Chính phủ thì không có căn cứ thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ dân trên.

Tuy nhiên xét thấy 04 hộ trên có diện tích đất lớn, có diện tích tranh chấp đã được Tòa án nhân dân xét xử qua 02 cấp, đã có bản án có hiệu lực pháp luật nhưng vẫn không tổ chức thi hành án được, do đó UBND huyện cần xem xét thực hiện các giải pháp vận động, thuyết phục 04 hộ này nhường lại 1 phần diện tích để chính quyền địa phương đưa vào quỹ đất chung giao cho các hộ sản xuất nông nghiệp còn thiếu đất, chưa có đất trên địa bàn xã Hành Dũng./.

Phụ lục 06

VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VỢ CHỒNG ÔNG NGUYỄN DƯƠNG VÀ BÀ NGÔ THỊ TIÊN

1. Kết quả thanh tra

Ông Nguyễn Dương, bà Ngô Thị Tiên thường trú tại thôn An Phước, xã Hành Dũng. Trong các lần gặp gỡ, đối thoại với các hộ dân tham gia khiếu kiện, bà Ngô Thị Tiên liên tục phát biểu ý kiến, trong đó bà sử dụng các GCNQSDĐ đã được UBND huyện Nghĩa Hành cấp cho vợ chồng bà vào năm 2014 và cho rằng bà không có đất nhưng vẫn được chính quyền cấp GCNQSDĐ, để từ đó lập luận rằng việc giao đất, cấp GCNQSDĐ của UBND huyện đối với đất rừng 388 là không đúng. Qua thanh tra đã xác minh, thu thập thông tin về việc cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà Tiên, ông Dương, làm việc với bà Ngô Thị Tiên vào ngày 20/01/2016. Kết quả cho thấy hộ ông Nguyễn Dương được UBND huyện Nghĩa Hành cấp 04 GCNQSDĐ đối với 04 thửa đất:

- Thửa số 796/1.772,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 4 bản đồ VLAP xã Hành Dũng, GCNQSDĐ số BS542461 cấp ngày 30/6/2014. Theo trình bày của bà Tiên, thửa đất này gia đình ba khai hoang sử dụng trồng mì, lang từ năm 1987 – 1988, đến 2001 chuyển sang trồng keo cho đến nay. Cuối năm 2015, bà Tiên đã thỏa thuận miệng chuyển nhượng diện tích này cho ông Huỳnh Thanh Long và ông Nguyễn Tiến Khôi.

- Thửa số 804/932,2m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 4 bản đồ VLAP xã Hành Dũng, GCNQSDĐ số BS542462 cấp ngày 30/6/2014. Theo trình bày của bà Tiên, thửa đất này gia đình ba khai hoang sử dụng trồng mì, lang từ năm 1987 – 1988, đến 2001 chuyển sang trồng keo cho đến nay. Cuối năm 2015, bà Tiên đã thỏa thuận miệng chuyển nhượng diện tích này cho ông Huỳnh Thanh Long và ông Nguyễn Tiến Khôi.

- Thửa số 816/978,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 4 bản đồ VLAP xã Hành Dũng, GCNQSDĐ số BS542463 cấp ngày 30/6/2014. Theo trình bày của bà Tiên, thửa đất này gia đình ba khai hoang sử dụng trồng mì, lang từ năm 1987 – 1988, đến 2001 chuyển sang trồng keo cho đến nay. Cuối năm 2015, bà Tiên đã thỏa thuận miệng chuyển nhượng diện tích này cho ông Huỳnh Thanh Long và ông Nguyễn Tiến Khôi.

- Thửa số 850/1.967,2m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 4 bản đồ VLAP xã Hành Dũng, GCNQSDĐ số BS542464 cấp ngày 30/6/2014. Thửa đất này theo trình bày của bà Tiên là do gia đình bà khai hoang sử dụng từ năm 1987 – 1988 đến 1995 làm nhà ở trên diện tích khoảng 02 sào; đến năm 2001 chuyển nhà đi nơi khác, diện tích này sử dụng trồng keo cho đến nay. Phần diện tích còn lại của thửa đất này do ông Nguyễn Vinh sử dụng. Cuối năm 2015, bà Tiên đã thỏa thuận miệng chuyển nhượng diện tích này cho ông Huỳnh Thanh Long và ông Nguyễn Tiến Khôi.

Về việc lập thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ, hồ sơ kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ thể hiện có đầy đủ 04 Đơn đề nghị đều ghi ngày 12/12/2012 có xác nhận của UBND xã, ý kiến của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất; Biên bản họp Hội đồng đăng ký đất đai của xã Hành Dũng ngày 14/11/2013; Thông báo số 170/TB-UBND ngày 15/11/2013 của UBND xã v/v công khai kết quả xét của Hội đồng đăng ký đất đai; Biên bản kết thúc công khai ngày 14/12/2013 *(thể hiện không có khiếu nại, tranh chấp phát sinh)*; Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 15/6/2014 của UBND xã; Tờ trình số 247/TTr-TNMT ngày 30/6/2014 của Phòng TNMT huyện; Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện cấp GCNQSDĐ. Qua làm việc bà Tiên thừa nhận việc kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ là do chồng bà thực hiện, tuy nhiên bà cho rằng chữ ký trên các đơn ngày 12/12/2012 và bản kết quả đo đạc địa chính ngày 20/4/2012, 21/4/2012 là không phải của ông Nguyễn Dương chồng bà.

- Theo báo cáo giải trình của UBND xã thì hiện nay toàn bộ 04 thửa đất nêu trên vợ chồng ông Dương bà Tiên chỉ sử dụng một phần chứ không sử dụng toàn bộ; việc đo vẽ lập bản đồ theo dự án VLAP đo bao toàn bộ và cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà Tiên, ông Dương có dấu hiệu không đúng hiện trạng sử dụng thực tế.

2. Nhận xét, kết luận

Hộ ông Dương, bà Tiên trình bày có sử dụng đất, đã thực hiện kê khai đăng ký và làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên qua thanh tra cho thấy việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Dương, bà Tiên có một số thiếu sót, do đó cần được rà soát, xem xét để xử lý theo quy định pháp luật đối với việc cấp GCNQSDĐ không đúng với hiện trạng sử dụng thực tế ở cả 04 thửa đất và việc chữ ký trên hồ sơ không phải của ông Dương./.